

Số: 5792/HD-UBND

Bến Tre, ngày 01 tháng 12 năm 2016

**HƯỚNG DẪN**  
**Về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã**

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã;

Căn cứ Công văn số 160/KH-KHVN ngày 19 tháng 06 năm 2016 của Hội Khuyến học Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện mục tiêu Đề án 281 giai đoạn 2016-2020 và dự trù kinh phí thực hiện Đề án 281 ở cơ sở;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre hướng dẫn đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. Mục đích yêu cầu**

Động viên khuyến khích phong trào xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã; tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

Việc đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã được triển khai nghiêm túc, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần thực hiện tốt Kế hoạch xây dựng xã hội học tập tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

**II. Nội dung đánh giá, cho điểm “Cộng đồng học tập” cấp xã**

“Cộng đồng học tập” cấp xã được đánh giá theo 15 tiêu chí với 100 điểm.

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm (100)
Tiêu chí 1	Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã	8
Tiêu chí 2	Hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã	8
Tiêu chí 3	Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã	8
Tiêu chí 4	Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã	15
Tiêu chí 5	Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ	14
Tiêu chí 6	Công bằng xã hội trong giáo dục	6
Tiêu chí 7	Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã	6
Tiêu chí 8	Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 18 tuổi trở lên)	4

<b>Tiêu chí 9</b>	Kết quả xây dựng “Gia đình học tập”; “Cộng đồng học tập ấp/khu phố”.	7
<b>Tiêu chí 10</b>	Kết quả xây dựng ấp/khu phố được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hoá”	4
<b>Tiêu chí 11</b>	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	3
<b>Tiêu chí 12</b>	Thực hiện bình đẳng giới	6
<b>Tiêu chí 13</b>	Đảm bảo vệ sinh, môi trường	4
<b>Tiêu chí 14</b>	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	4
<b>Tiêu chí 15</b>	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội	3

*(Nội dung đánh giá chi tiết đính kèm phụ lục)*

### **III. Xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã**

- Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85-100, không có tiêu chí bị điểm 0;
- Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70-84, không có tiêu chí bị điểm 0;
- Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50-69, không có tiêu chí bị điểm 0;
- Loại chưa đạt: các trường hợp còn lại.

Thời gian kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã được thực hiện vào tháng 12 hàng năm.

### **IV. Hồ sơ đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã**

#### **1. Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập”**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
  - Báo cáo (kèm theo các minh chứng phù hợp với các tiêu chí) đánh giá kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” của cấp xã, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
  - Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” của cấp xã;
- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

#### **2. Hồ sơ của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” của cấp xã**

- Tờ trình của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện;
  - Biên bản kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã;
- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

### **V. Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã**

Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã chủ trì xây dựng Kế

hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” của xã và triển khai thực hiện sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Căn cứ kết quả tự kiểm tra, Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã lập hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại đối với cấp xã.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện chủ trì xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá và xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Căn cứ vào kế hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện chủ trì, phân công các thành viên đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan trong Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện phụ trách 15 tiêu chí đánh giá “Cộng đồng học tập cấp xã”, tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã và công bố công khai.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### ***1. Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp tỉnh***

Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp tỉnh (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) chỉ đạo Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện triển khai thực hiện Hướng dẫn này.

Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp tỉnh (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra việc đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

### ***2. Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện***

Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực xây dựng xã hội học tập cấp huyện (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) chỉ đạo Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã trên địa bàn triển khai thực hiện Hướng dẫn này, chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã và lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

### ***3. Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã***

Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã

hội học tập cấp xã (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã; thường xuyên củng cố và nâng cao kết quả đã đạt được. Đồng thời chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã trên địa bàn.

Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã (được sự ủy quyền của Trưởng Ban) phân công các thành viên trong Ban chỉ đạo cấp xã và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan phụ trách giám sát, đánh giá các tiêu chí đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã cụ thể như sau:

- Mời Văn phòng Đảng ủy xã phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 1 về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã;

- Văn phòng Ủy ban nhân dân xã phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 2, 7, 11 về hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã; về kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã; về tỷ lệ hộ nghèo;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 3 và 10 về sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã; về kết quả xây dựng ấp/ khu phố được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”;

- Nhà trường phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 4, 5, 6 về mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục và thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã; về kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; về công bằng xã hội trong giáo dục;

- Hội Nông dân phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 8 về kết quả học tập thường xuyên của người lao động;

- Hội Khuyến học phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 9 về kết quả xây dựng “Gia đình học tập”; “Cộng đồng học tập”, “ấp/ khu phố”;

- Hội Phụ nữ xã phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 12 về thực hiện bình đẳng giới;

- Đoàn Thanh niên phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 13 về vệ sinh môi trường;

- Trạm Y tế xã phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 14 về chăm sóc sức khỏe cộng đồng;

- Công an xã phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 15 về an ninh trật tự, an toàn xã hội.

## **VII. Kinh phí thực hiện**

- Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng định mức chi cho việc đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã theo Công văn số 160/KH-KHVN ngày 19 tháng 06 năm 2016 của Hội Khuyến học Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện mục tiêu Đề án 281 giai đoạn 2016-2020 và dự trù kinh phí thực hiện Đề án 281 ở cơ sở, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để

thực hiện. Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp cho ngành giáo dục và đào tạo hàng năm.

- Sở Tài chính thẩm định, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt định mức chi, bố trí kinh phí hàng năm cho Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập các cấp để thực hiện theo nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Hướng dẫn cụ thể hóa một số nội dung của Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã. Những nội dung khác liên quan đến việc đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã không nêu ra trong Hướng dẫn này thì vẫn áp dụng theo các quy định tại Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ nội dung trên, yêu cầu Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập các cấp triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh; ✓
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh; ✓
- Các thành viên Ban CĐ XDXHHT cấp tỉnh (kèm phụ lục của TT 44 BGDĐT);
- UBND các huyện, thành phố (kèm phụ lục của TT 44 BGDĐT);
- Ng/c: KGVX (kèm hồ sơ), TH; ✓
- Trung tâm Thông tin điện tử; ✓
- Lưu VT, v.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Phước**



**PHỤ LỤC**  
**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM "CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP" CẤP XÃ**  
*(Kèm Thông tư số 44 /2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014)*

TIÊU CHÍ	Mức điểm theo yêu cầu	Điểm đạt được	CÁC MINH CHỨNG
1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã (8 điểm)			
1.1. Cấp ủy Đảng, chính quyền có Nghị quyết/Chi thị/Quyết định về xây dựng xã hội học tập và thành lập ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập (XD XHHT)	2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã</li> <li>- Quyết định thành lập hoặc kiện toàn ban chỉ đạo, quy chế hoạt động của ban chỉ đạo, quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên của trường ban chỉ đạo</li> </ul>
1.2. Nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của UBND, UBND	2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình công tác của cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển KT-XH của UBND</li> <li>- Quyết định qua các kỳ họp hằng năm đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" vào các văn bản trên</li> </ul>
1.3. Hằng năm có danh kinh phí từ ngân sách của xã để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoại kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)	2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính của cấp xã (phần kinh phí chi các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn)</li> <li>- Kế hoạch huy động các nguồn lực của địa phương để hỗ trợ XD "Cộng đồng học tập"</li> </ul>
1.4. Cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT	2		Bên bản kiểm tra hằng tháng, hằng quý
2. Hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã (8 điểm)			
2.1. Ban chỉ đạo xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế của địa phương	2		Kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng của ban chỉ đạo XD XHHT
2.2. Ban chỉ đạo thường xuyên giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng kịp thời	2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm của ban chỉ đạo</li> <li>- Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT</li> </ul>
2.3. Các thành viên trong ban chỉ đạo được phân công cụ thể và hoạt động thường xuyên và hiệu quả	2		Văn bản phân công việc cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và các thành viên ban chỉ đạo XD XHHT của trường ban chỉ đạo XD XHHT cấp xã

<p>2.4. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, XD XHHTT, XD "Cộng đồng học tập" được triển khai thường xuyên và có hiệu quả</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch triển khai của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã quản triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh về XHHTT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân</li> <li>- Báo kết quả tổ chức tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền và thống kê số người, đối tượng được tuyên truyền. Đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền về XHHTT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân</li> <li>- Các bài viết tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của cấp xã</li> </ul>
<p><b>3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm)</b></p>		
<p>3.1. Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHTT, trong đó hội khuyến học giữ vai trò nòng cốt</p>	2	<p>Các chương trình phối hợp đã ký kết hoặc văn bản phân công việc của ban chỉ đạo</p>
<p>3.2. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSD) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp</p>	2	<p>Kế hoạch hoạt động hằng năm của ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức về XD XHHTT và kết quả thực hiện kế hoạch</p>
<p>3.3. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, UBND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHTT. Hằng năm, tổ chức hội nghị liên tịch</p>	2	<p>Các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền hoặc các văn bản phối hợp của các đoàn thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của chủ tịch UBND cấp xã</p>
<p>3.4. Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hằng năm về sự phối kết hợp</p>	2	<p>Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm về sự phối kết hợp</p>
<p><b>4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã (15 điểm)</b></p>		
<p>4.1. Có đủ các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/lớp mẫu giáo độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non</p>	2	<p>Căn cứ vào Điều lệ trường mầm non, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập thì cho 1 điểm</p>
<p>4.2. Có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2</p>	2	<p>Quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm</p>
<p>4.3. Có đủ trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học</p>	2	<p>Căn cứ vào Điều lệ trường tiểu học, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học thì cho 1 điểm</p>
<p>4.4. Có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2</p>	2	<p>Quyết định công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm</p>

4.5. Có đủ trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở	2	Căn cứ vào Điều lệ trường THCS, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học thì cho 1 điểm
4.6. Có ít nhất một trường THCS đạt chuẩn quốc gia	2	Quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia của UBND tỉnh, TP
4.7. Trung tâm học tập cộng đồng hoặc trung tâm văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả được xếp loại tốt	3	Quyết định công nhận xếp loại TTHTCĐ của chủ tịch UBND huyện (được đánh giá và xếp loại theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của địa phương). Nếu xếp loại khá thì cho 2 điểm, xếp loại trung bình cho 1 điểm
<b>5. Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ (14 điểm)</b>		
5.1. Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên	2	Số danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 3 tuổi đang được nuôi dạy ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.2. Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 85% trở lên	2	Số danh bạ ghi danh sách trẻ 3- 5 tuổi ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2	Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi của UBND huyện
5.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	3	Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3	3	Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	2	Quyết định công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 thì cho 1 điểm
<b>6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm)</b>		
6.1. Có chính sách cụ thể hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp (trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật ...)	2	Quyết định của UBND cấp xã về việc huy động, sử dụng nguồn lực để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường (hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; cấp xe lăn cho trẻ em khuyết tật; cấp xe đạp cho trẻ em nghèo tại những vùng khó khăn; hỗ trợ đỡ đầu trẻ em mồ côi; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi...)
6.2. Tích cực huy động trẻ em khuyết tật ra trường, lớp tham gia học tập hòa nhập	2	Danh sách trẻ khuyết tật ở địa phương và danh sách trẻ khuyết tật ra lớp hằng năm (căn cứ số điều tra với số phổ cập GDMN, GDTH và GDTHCS)
6.3. Có các hình thức tổ chức cho trẻ em khuyết tật tham gia học tập	2	Các hình thức tổ chức cụ thể



<b>7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm)</b>			
7.1. Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên (vùng khó khăn: 85% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã có ghi chức vụ (hoặc vị trí công tác), trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, quản lý nhà nước, tin học... đã được đào tạo đến thời điểm đánh giá
7.2. Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc đạt 100% (vùng khó khăn: 90% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc
7.3. Tỷ lệ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt 85% trở lên (vùng khó khăn: 75% trở lên)	2		Danh sách công chức cấp xã được bồi dưỡng từng năm của 3 năm gần nhất (chuyên đề gì?, thời gian bồi dưỡng, do cơ quan, cơ sở đào tạo nào mở...)
<b>8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm)</b>			
Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên	4		Thống kê lập danh sách lao động nông thôn của địa phương và danh sách học viên của các lớp đã mở, số đầu bài. Nếu tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt từ 60-69% cho 3 điểm; đạt từ 50-59% cho 2 điểm; dưới 50% cho 1 điểm
<b>9. Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”, “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương” (7 điểm)</b>			
9.1. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt 70% trở lên (vùng khó khăn: 60% trở lên)	3		Số hộ gia đình trong cấp xã; số hộ gia đình được hội khuyến học công nhận “Gia đình hiếu học”. Nếu tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 1 điểm
9.2. Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt 60% trở lên (vùng khó khăn: 50% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp xã công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập”. Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 3 điểm; đạt từ 40-49% (vùng khó khăn: 30-39%) cho 2 điểm; đạt dưới 40% (vùng khó khăn: 30%) cho 1 điểm
<b>10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” (4 điểm)</b>			

<p>Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" đạt 80% trở lên (vùng khó khăn: 70% trở lên)</p>	<p>4</p>	<p>Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp huyện công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Khu dân cư văn hóa". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" đạt từ 70-79% (vùng khó khăn: 60-69%) cho 3 điểm; đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt dưới 70% (vùng khó khăn: 50%) cho 1 điểm</p>
<p><b>11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3 điểm)</b></p>		
<p>Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo hằng năm</p>	<p>3</p>	<p>Báo cáo kinh tế - xã hội của UBND xã trước kỳ họp HĐND cuối năm hoặc 6 tháng đầu năm và kết quả điều tra hộ nghèo (Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011- 2015). Nếu địa phương không có hộ nghèo thì cho điểm tối đa (3 điểm)</p>
<p><b>12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm)</b></p>		
<p>12.1. Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể xã có nữ tham gia quản lý</p>	<p>1</p>	<p>- Danh sách lãnh đạo UBND cấp xã - Danh sách cán bộ nữ làm công tác quản lý ở UBND cấp xã</p>
<p>12.2. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức</p>	<p>1</p>	<p>Báo cáo của hội phụ nữ cấp xã</p>
<p>12.3. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em trai và trẻ em gái</p>	<p>2</p>	<p>Danh sách trẻ em trai và gái trong độ tuổi đi học</p>
<p>12.4. Bảo đảm tỷ lệ cân bằng giữa nam - nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng</p>	<p>2</p>	<p>Thống kê, báo cáo của THTHCD cấp xã (danh sách nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại THTHCD)</p>
<p><b>13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm)</b></p>		
<p>13.1. Môi trường, cảnh quan trên địa bàn xã đảm bảo xanh-sạch-đẹp</p>	<p>1</p>	<p>- Có nhiều cây xanh, thường xuyên được chăm sóc và bổ sung. Đường đi lối lại trong thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương, trụ sở UBND xã, khuôn viên các nhà trường, ... luôn giữ sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu cảnh quan sư phạm - Mọi người được giáo dục cách sống khoẻ mạnh và có sự hỗ trợ về y tế, về tâm lý</p>
<p>13.2. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85% trở lên. (Vùng khó khăn: 75% trở lên)</p>	<p>1</p>	<p>Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường</p>
<p>13.3. Chất thải, nước thải gia đình và cơ quan, xí nghiệp được thu gom và xử lý theo đúng quy định</p>	<p>1</p>	<p>Trong môi thôn (ấp, bản, tổ dân phố) đều có tổ độn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang độn có ở đường thu gom rác thải về nơi quy định để xử lý</p>
<p>13.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường</p>	<p>1</p>	<p>Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định</p>
<p><b>14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm)</b></p>		

14.1. Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo	1		Không có người dân bị ngộ độc thực phẩm
14.2. Các dịch bệnh được khống chế hiệu quả	1		Không có các dịch bệnh hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả
14.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23% trở xuống	1		Số danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 5 tuổi và danh sách trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.
14.4. Bảo đảm 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	1		Danh sách trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và danh sách trẻ đã tham gia tiêm chủng theo quy định (do trạm y tế xã cung cấp)
<b>15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm)</b>			
15.1. Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp	1		Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp xã
15.2. Giảm các tệ nạn xã hội (đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp, ...).	2		Báo cáo công tác phòng chống tệ nạn xã hội của UBND cấp xã
<b>Cộng</b>	<b>100</b>		